CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thương mại và Xây dựng Đông Dương

Ngày 31/12/2025	10,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.9%	**4.1%**	**-**

DT thuần
Q4/25
107
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.40| 7.2%
YoY: ▼3.00| -3.0%

LN thuần
Q4/25
0.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.59| -73.8%
YoY: ▼2.26| -80.0%

LN sau thuế
Q4/25
-0.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.65| -103%
YoY: ▼2.44| -102%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
3.6%
YoY: +/-▼ 0.0%

ROE
2025
2.0%
YoY: +/-▼ 0.9%

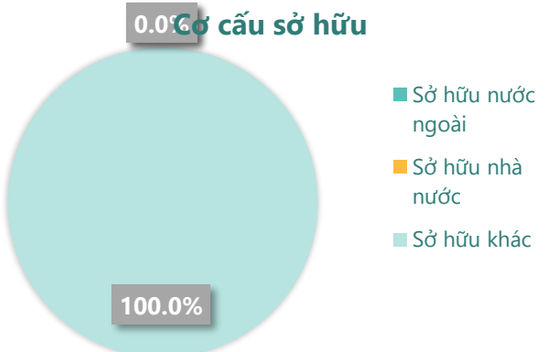
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,100 - 17,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	122
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	267,570
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.06)
EPS	255
P/E	40.1

DT thuần
2025
402
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.0| -5.8%

LN thuần
2025
4.71
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.55| -43.0%

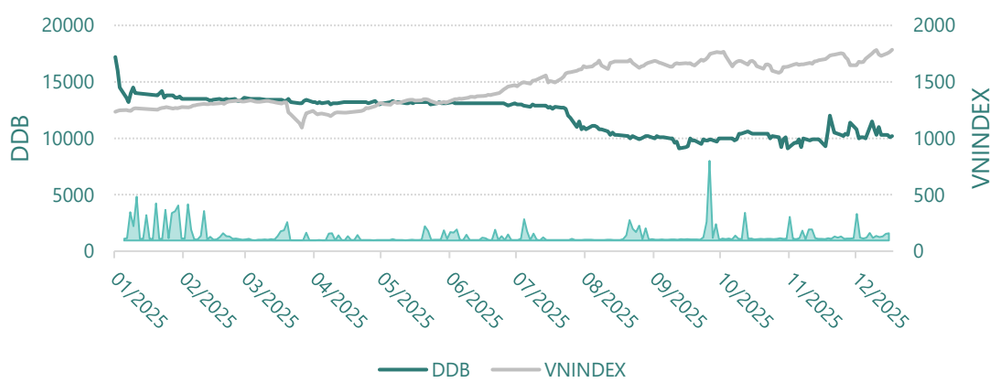
LN sau thuế
2025
3.06
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.29| -29.8%

Cơ cấu sở hữu

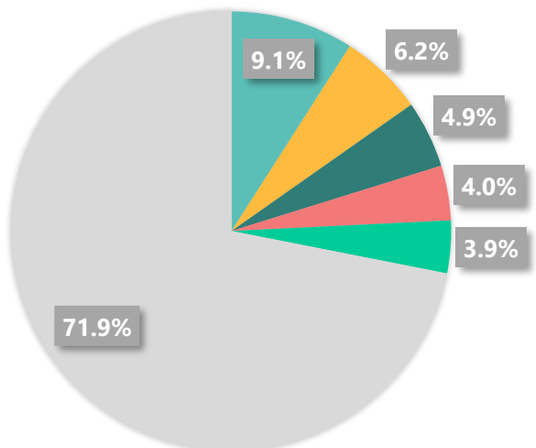


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



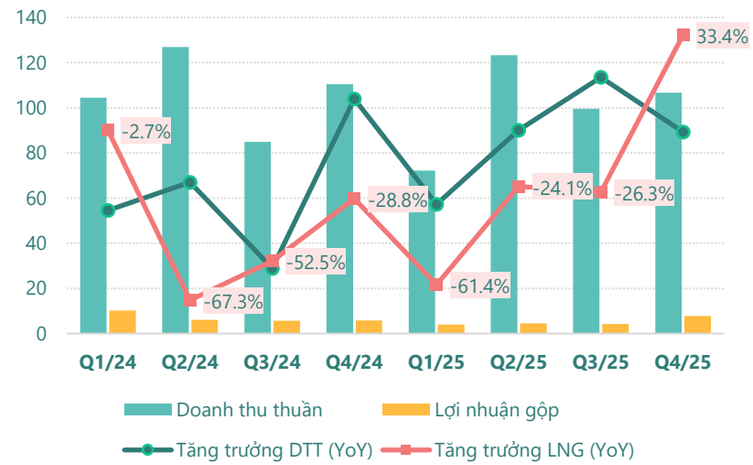
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

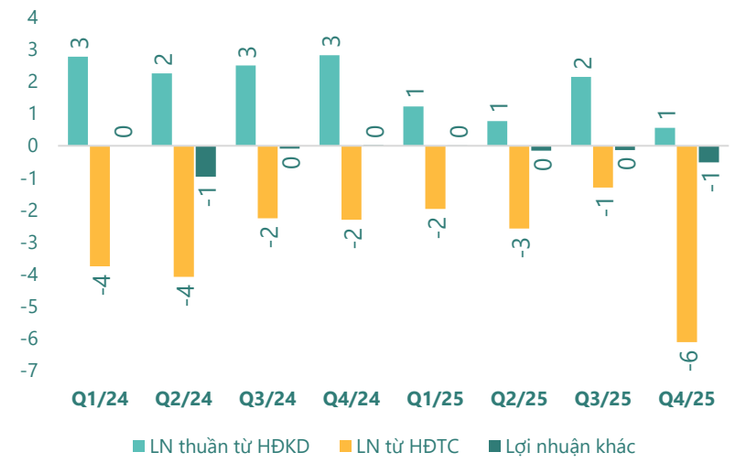
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



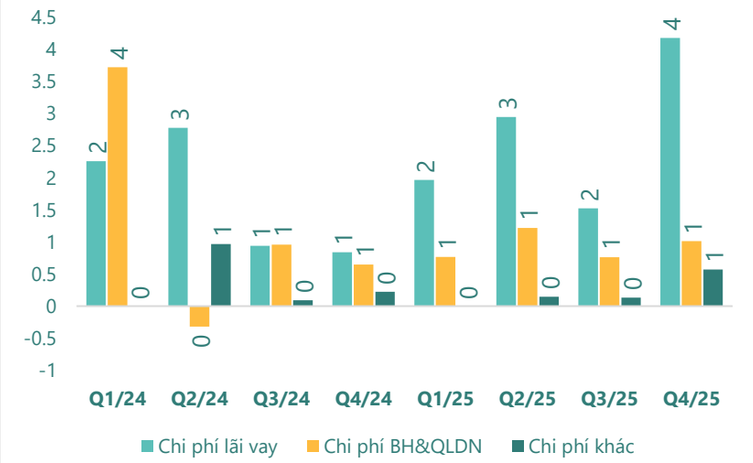
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



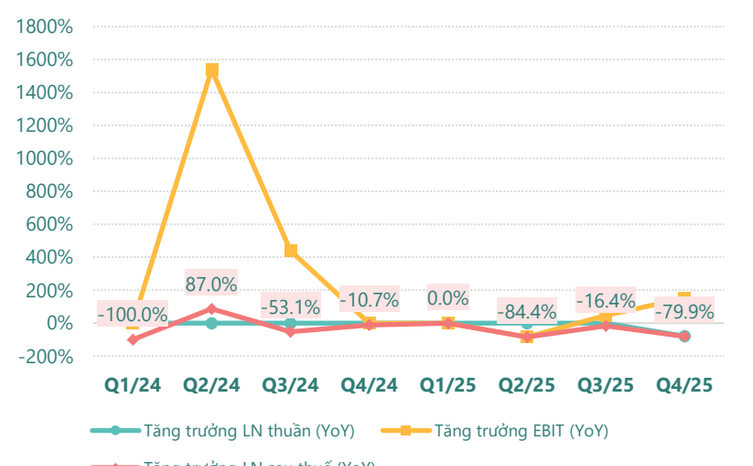
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



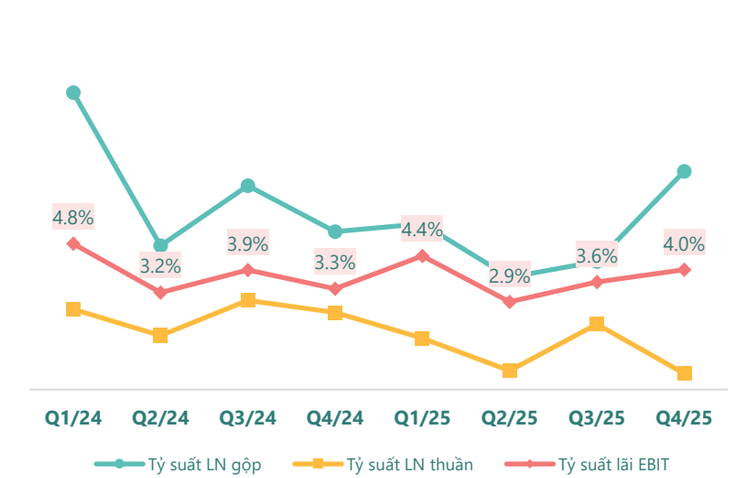
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



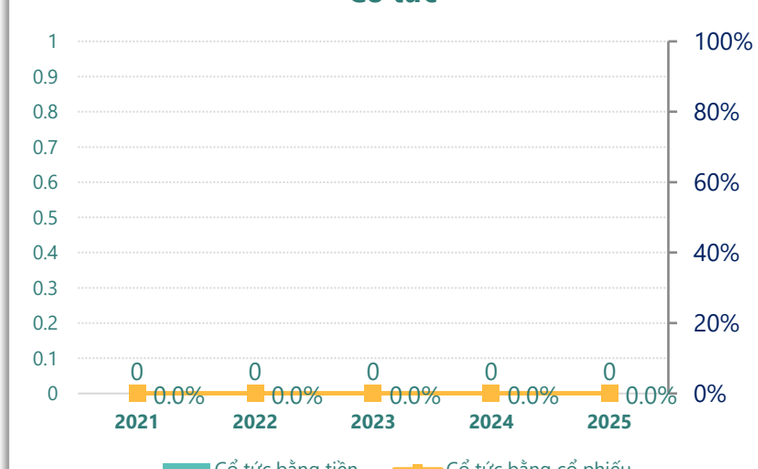
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

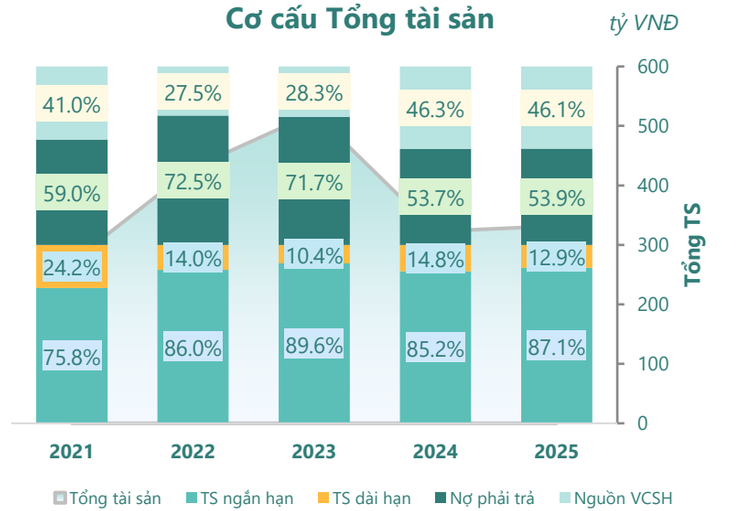
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

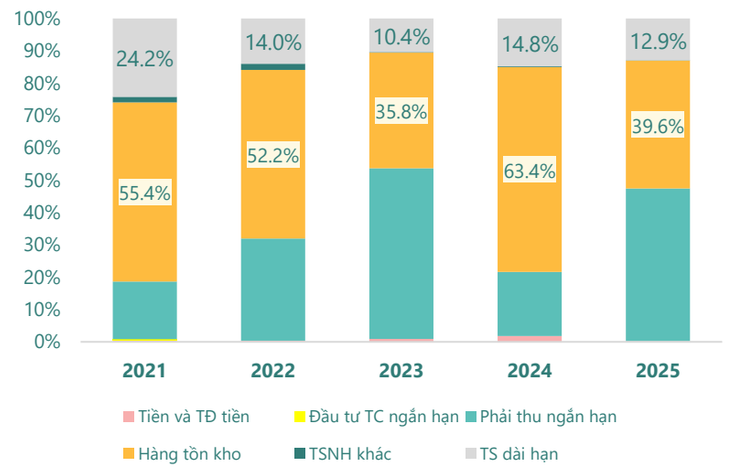
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



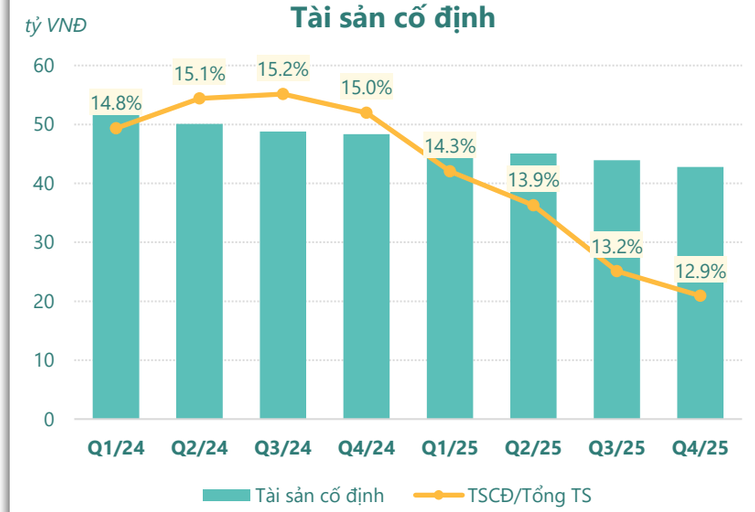
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



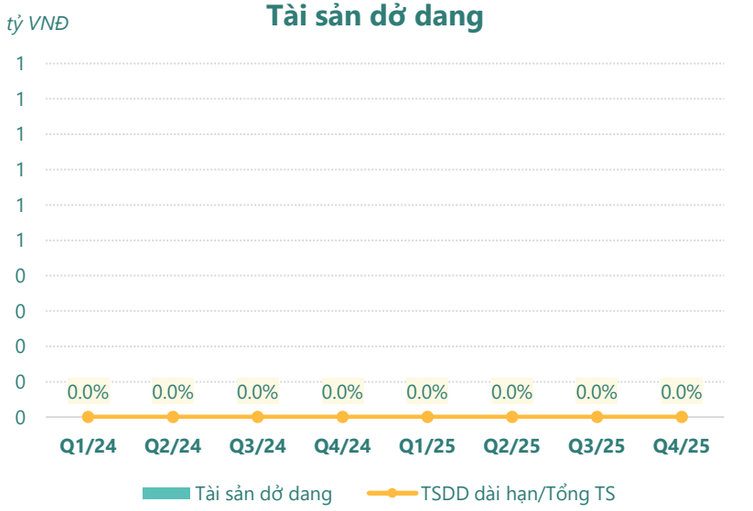
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



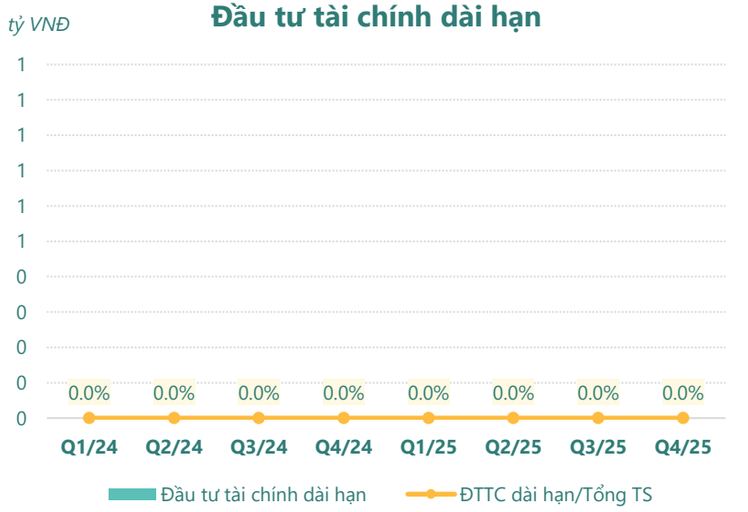
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



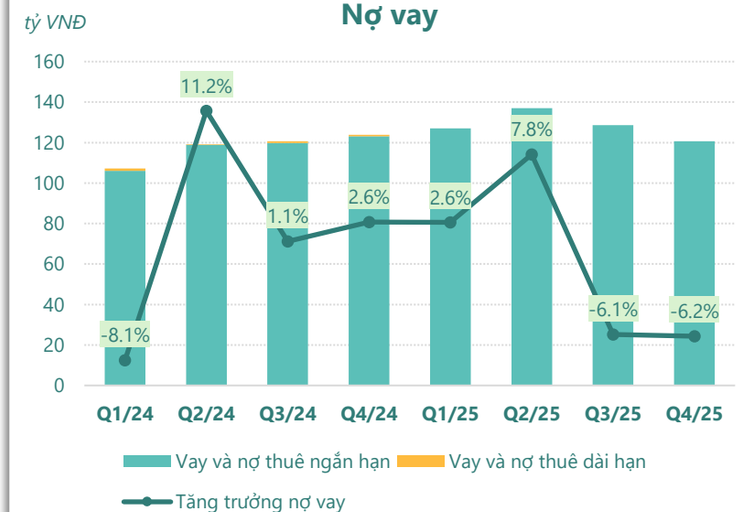
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

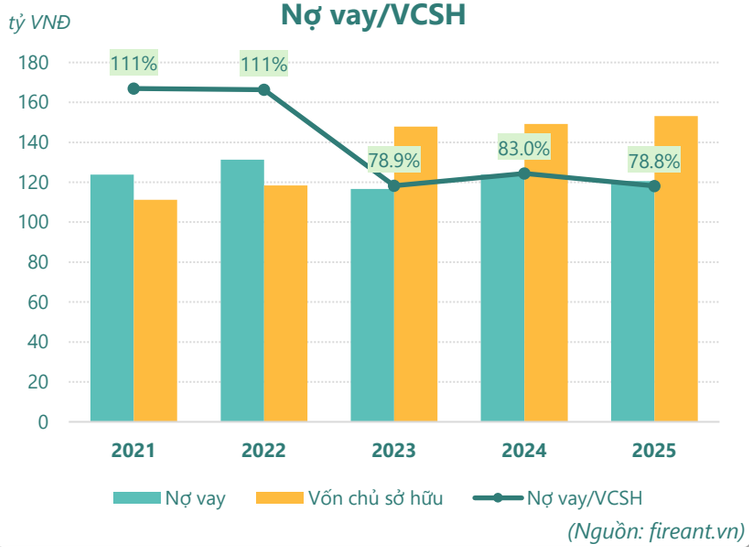
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

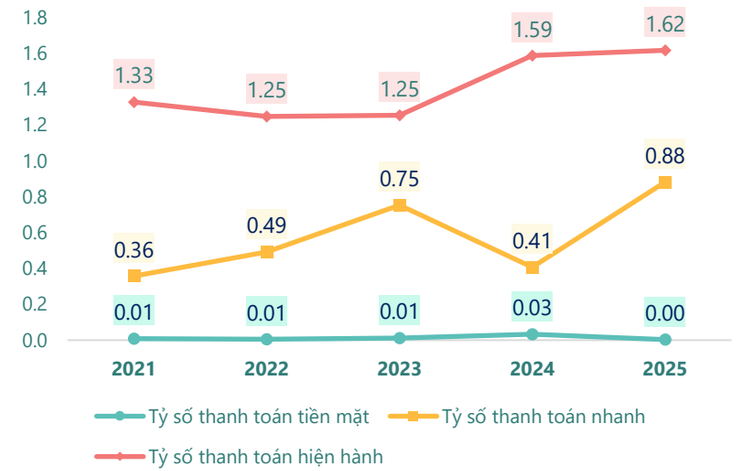
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



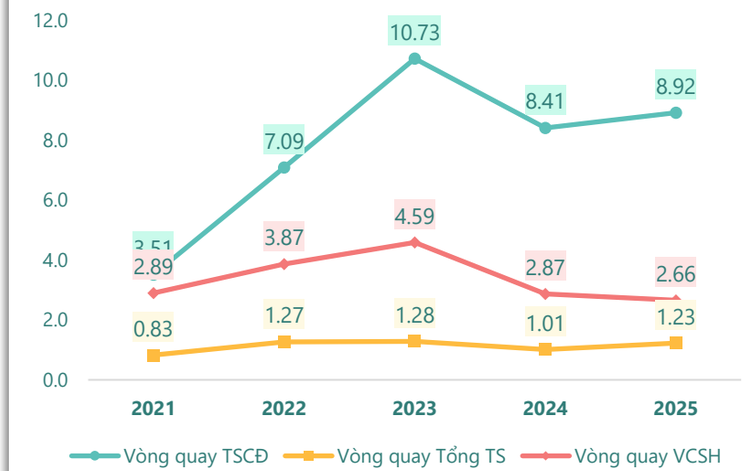
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



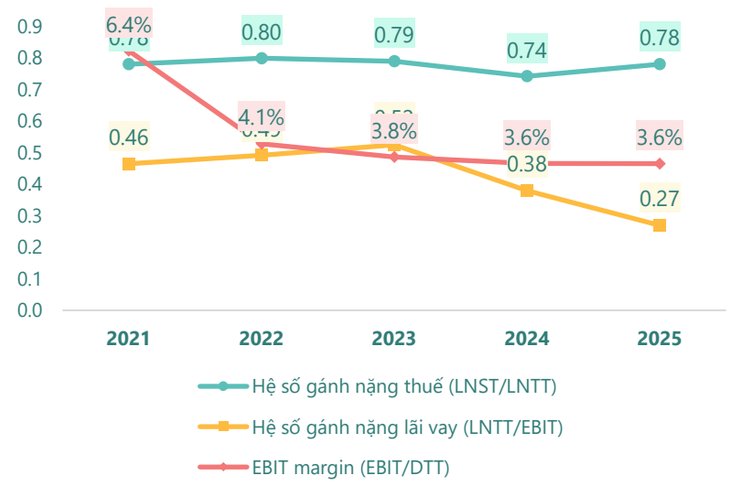
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



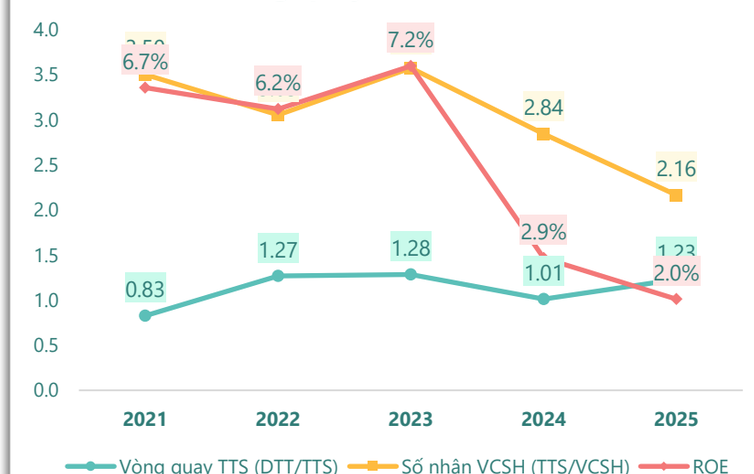
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



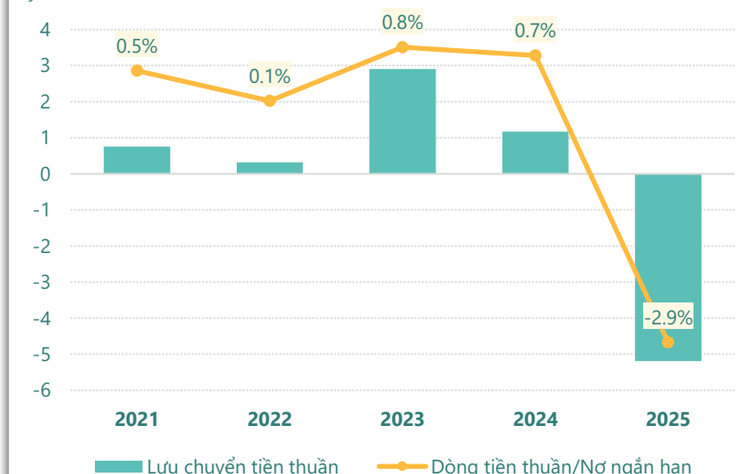
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**107**	**110**	**-3.0%**	**402**	**427**	**-5.8%**
Giá vốn hàng bán	99.0	105	-5.7%	381	401	-5.0%
Lợi nhuận gộp	7.70	5.77	33.5%	20.4	25.4	-19.6%
Doanh thu HĐTC	0.09	0.00		0.68	0.28	146%
Chi phí TC	6.22	2.30	170%	12.7	12.4	2.0%
Chi phí lãi vay	4.18	0.84	398%	10.6	9.59	10.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.12	0.20	-39.3%	0.67	1.78	-62.6%
Chi phí QLDN	**0.89**	**0.45**	**98.1%**	**3.09**	**3.26**	**-5.3%**
LN thuần từ HĐKD	0.56	2.82	-80.0%	4.71	8.26	-43.0%
Lợi nhuận khác	**-0.52**	**0.02**	**-2694%**	**-0.80**	**-2.40**	**66.7%**
LN trước thuế	0.05	2.84	-98.4%	3.92	5.87	-33.2%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.04**	**2.40**	**-102%**	**3.06**	**4.35**	**-29.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.04**	**2.40**	**-102%**	**3.06**	**4.35**	**-29.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.92	0	-12.1	-0.46	36.3	-6.27
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	8.50	-13.5	-28.5	13.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.53	0	3.32	9.83	-8.14	-7.80
Tiền đầu kỳ	4.55	0	5.72	5.44	1.33	0.96
Lưu chuyển tiền thuần	**2.45**	**0**	**-0.28**	**-4.12**	**-0.36**	**-0.42**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	7.00	0	5.44	1.32	0.96	0.54

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**332**	**322**	**3.0%**
Tài sản ngắn hạn	289	275	5.2%
Tiền và tương đương tiền	0.54	5.72	-90.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	157	64.0	145%
Hàng tồn kho	131	204	-35.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.34	0.83	-58.8%
Tài sản dài hạn	**42.8**	**47.6**	**-10.0%**
Phải thu dài hạn	0	0.22	-100%
Tài sản cố định	42.8	47.3	-9.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.02**	**0.06**	**-59.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	179	173	3.3%
Nợ ngắn hạn	**179**	**173**	**3.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	121	124	-2.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.6	22.8	-1.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**153**	**149**	**2.6%**
Vốn chủ sở hữu	**153**	**149**	**2.6%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)